

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÀ ÔN
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 100/2024/DS -ST

Ngày: 27-9-2024

V/v tranh chấp hợp đồng dân sự
về mua bán tài sản và bồi thường
thiệt hại ngoài hợp đồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN, TỈNH VĨNH LONG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thúy An**.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông **Nguyễn Trọng Khôi**.

2/ Ông **Trần Văn Hiếu**.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà **Nguyễn Ngọc Thơ** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

Ngày 27 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 200/2024/TLST-DS ngày 27 tháng 5 năm 2024, về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự về mua bán tài sản và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 94/2024/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Anh **Phan Văn N**, sinh năm 1978 – Chủ Hộ kinh doanh Thành N.

Địa chỉ cư trú: ấp C, xã M, huyện M1, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Anh **Trần Hoàng P**, sinh năm 1987. (có mặt)

Địa chỉ cư trú: ấp T, xã T1, huyện T2, tỉnh Vĩnh Long.

Là đại diện theo uỷ quyền (Văn bản uỷ quyền ngày 13/5/2024).

2. **Bị đơn:**

1/ Anh **Thạch V**, sinh năm 1994. (vắng mặt)

2/ Chị **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1991. (vắng mặt)

Cùng địa chỉ cư trú: ấp N, xã T1, huyện T2, tỉnh Vĩnh Long.

3. **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ông **Phan Văn M**, sinh năm 1968. (vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: ấp N, xã T1, huyện T2, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 21/12/2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Phan Văn N trình bày:

Giữa anh và anh Thạch V, chị Nguyễn Thị T là chỗ quen biết, nên anh có thuê vợ chồng anh V, chị T để trông coi cửa hàng vật liệu xây dựng cho anh, vì chỗ quen biết thân và người làm công nên anh có bán cho anh V, chị T số lượng vật tư xây dựng rất nhiều lần. Anh V, chị T mua vật tư tại cửa hàng anh khá lâu đến khi xây dựng nhà xong phía anh V, chị T cũng không thanh toán tiền cho anh.

Anh V, chị T lúc đang xây cất nhà phía anh V, chị T vẫn còn đang làm công tại cửa hàng anh, hàng tháng vợ chồng anh V và chị T tiền lương khoảng 20.000.000đ, nhưng anh thấy hoàn cảnh gia đình cũng khó khăn nên anh cho trả dần mỗi tháng. Nhưng anh V, chị T không đồng ý và cố tình lẩn tránh để không thanh toán số tiền nợ.

Sau đó anh V, chị T có làm tờ thỏa thuận, cam kết và thừa nhận số tiền còn nợ là 54.000.000đ đề ngày 06/02/2023 dương lịch, cam kết sẽ trả cho anh mỗi tháng 6.000.000đ cho đến khi đủ số tiền nợ, không tính lãi suất.

Cũng trong thời gian anh V, chị T làm công tại cửa hàng của anh, có lấy số lượng vật tư di chuyển đi nơi khác, trong quá trình chở thì có va chạm vào nhà của ông Phan Văn M, cư ngụ ấp Ngãi Lộ A, xã Trà Côn, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long làm hư hỏng tài sản khoảng 2.000.000đ, anh phải bồi thường cho ông M số tiền này.

Anh Thạch V, chị Nguyễn Thị T nợ anh số tiền mua bán vật liệu xây dựng là 54.000.000đ và 2.000.000đ tiền anh đã bồi thường cho ông M. Tổng cộng số tiền: 56.000.000đ (*Năm mươi sáu triệu đồng*).

Do hiện nay làm ăn, kinh doanh khó khăn nên anh cần thu hồi tiền vốn lại, anh có liên hệ anh V, chị T phải trả số tiền vốn còn nợ mặc dù anh đã liên hệ rất nhiều lần cho đến nay anh V, chị T vẫn còn nợ số tiền: 56.000.000đ (*Năm mươi sáu triệu đồng*).

Nay anh yêu cầu Tòa án Nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long xem xét, giải quyết: Buộc anh Thạch V, chị Nguyễn Thị T cùng liên đới trả cho anh số tiền gồm: Tiền vốn: 56.000.000đ + Tiền lãi: 9.296.000đ (Tạm tính 10 tháng: từ 06/02/2023 đến 06/12/2023 x 1,66%/tháng). Tổng cộng số tiền vốn và số tiền lãi: 65.296.000đ (*Sáu mươi lăm triệu hai trăm chín mươi sáu ngàn đồng*). Đồng

thời anh yêu cầu tính lãi suất tiếp tục 1.66%/tháng từ ngày làm đơn khởi kiện 21/12/2023 dương lịch cho đến ngày xét xử sơ thẩm.

Tại bản tự khai ngày 08/8/2024, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan Văn M trình bày:

Vợ chồng anh V và chị T có làm thuê cho anh N, trong quá trình vận chuyển vật tư, do chạy với tốc độ cao nên xe bị đứt dây, chiếc xe và thùng hàng đâm vào nhà ông làm hư hỏng hàng rào lưới B40 và trụ đá. Sau khi gây thiệt hại thì anh V và chị T không sửa chữa lại cho ông nên ông có gặp anh N để thoả thuận, sau đó ông tự làm lại trụ đá, tol và tiền nhân công tổng cộng 2.000.000đ. Sau khi ông sửa chữa xong thì anh N có bồi thường lại cho ông số tiền 2.000.000đ.

Sự việc anh N khởi kiện anh V và chị T thì ông không có ý kiến gì, đối với phần bồi thường thì anh N đã bồi thường cho ông 2.000.000đ nên ông không ý kiến gì đối với anh N, không có yêu cầu độc lập, yêu cầu phản tố trong vụ án.

Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn trình bày: Xin thay đổi nội dung yêu cầu khởi kiện, yêu cầu anh V và chị T có nghĩa vụ liên đới trả cho anh N số tiền mua bán còn nợ 54.000.000đ, lãi suất tính từ ngày 10/3/2023 đến nay 18 tháng 17 ngày nhưng chỉ yêu cầu 18 tháng $\times 0,83\%/tháng = 8.067.600đ$, tổng cộng vốn, lãi bằng 62.067.600đ. Đối với số tiền bồi thường thiệt hại yêu cầu anh V, chị T có nghĩa vụ trả 2.000.000đ, không yêu cầu trả lãi.

Các chứng cứ mà các bên giao nộp đã được tiếp cận, công khai chứng cứ. Các bên không có ý kiến gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, qua kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn anh Phan Văn N khởi kiện yêu cầu bị đơn anh Thạch V và chị Nguyễn Thị T có địa chỉ cư trú ấp N, xã T1, huyện T2, tỉnh Vĩnh Long trả lại số tiền mua bán còn nợ và tiền bồi thường thiệt hại. Do đó quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “Tranh chấp hợp đồng dân sự về mua bán tài sản và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng”, nên theo quy định tại khoản 3, 6 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long. Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

[1.2] Bị đơn anh Thạch V và chị Nguyễn Thị T được triệu tập hợp lệ nhiều lần để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không lý do mà không có người đại diện tham gia phiên tòa. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[1.3] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan Văn M vắng mặt tại phiên toà nhưng có bản khai ý kiến xin vắng mặt ngày 08/8/2024. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông M.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện đối với bị đơn về việc bồi thường thiệt hại, chỉ yêu cầu bị đơn trả 2.000.000đ, không yêu cầu tính lãi là không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện. Hội đồng xét xử xét chấp nhận đối với việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[2.2] Xét yêu cầu của nguyên đơn anh Phan Văn N yêu cầu bị đơn anh Thạch V và chị Nguyễn Thị T trả số tiền mua bán tài sản còn nợ tổng cộng 54.000.000đ. Phía nguyên đơn anh N có xuất trình tờ thoả thuận cam kết ngày 06/3/2023, có chữ ký của anh V và chị T. Bị đơn anh V và chị T đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhiều lần để tham gia hoà giải, tham gia phiên toà nhưng anh V và chị T vắng mặt không lý do cũng không có văn bản trình bày ý kiến về việc khởi kiện của nguyên đơn, không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu của nguyên đơn đưa ra. Nên sự việc mua bán tài sản giữa nguyên đơn, bị đơn là sự việc có thật, đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2.2] Quá trình thực hiện hợp đồng đến nay anh V và chị T còn nợ anh N tổng cộng 54.000.000đ. Anh N đã đến đòi nhiều lần nhưng đến nay anh V và chị T vẫn chưa thanh toán là vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Do đó việc anh N yêu cầu anh V và chị T phải có nghĩa vụ trả số tiền mua bán tài sản còn nợ 54.000.000đ, và yêu cầu trả lãi từ ngày 10/3/2023 đến nay là 18 tháng, thành tiền 8.067.600đ là có lợi cho phía bị đơn và hoàn toàn có căn cứ phù hợp quy định tại các Điều 430, 440 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên có cơ sở chấp nhận. Hội đồng xét xử xét buộc bị đơn anh V và chị T có nghĩa vụ trả nguyên đơn anh N số tiền mua bán tài sản còn nợ tổng cộng vốn, lãi là 62.067.600đ (*Sáu mươi hai triệu không trăm sáu mươi bảy ngàn sáu trăm đồng*).

[2.3] Xét yêu cầu của nguyên đơn anh Phan Văn N yêu cầu bị đơn anh V và chị T có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại số tiền 2.000.000đ. Sự việc được ông Phan Văn M trình bày vợ chồng anh V và chị T có làm thuê cho anh N, trong quá trình vận chuyển vật tư, do chạy với tốc độ cao nên xe bị đứt dây, chiếc xe và thùng hàng đâm vào nhà ông làm hư hỏng hàng rào lưới B40 và trụ đá. Sau khi gây thiệt hại thì anh V và chị T không sửa chữa lại cho ông nên ông có gặp anh N để thoả thuận, sau đó ông tự làm lại trụ đá, tol và tiền nhân công tổng cộng 2.000.000đ. Sau khi ông sửa chữa xong thì anh N có bồi thường lại cho ông số tiền 2.000.000đ. Bị đơn anh V và chị T không có văn bản trình bày ý kiến về việc khởi kiện của nguyên đơn, không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu của nguyên đơn đưa ra. Nên sự việc tranh chấp bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng giữa nguyên đơn, bị đơn là sự việc có thật, đây là những tình

tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2.4] Sau khi nguyên đơn thực hiện việc bồi thường cho ông Phan Văn M xong, có yêu cầu bị đơn trả lại số tiền đã bồi thường thay nhưng đến nay anh V và chị T vẫn chưa thanh toán là vi phạm nghĩa vụ trả tiền. Do đó việc anh N yêu cầu anh V và chị T phải có nghĩa vụ trả số tiền bồi thường thiệt hại 2.000.000đ và không yêu cầu trả lãi là hoàn toàn có căn cứ phù hợp quy định tại các Điều 584, 585, 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên có cơ sở chấp nhận. Hội đồng xét xử xét buộc bị đơn anh V và chị T có nghĩa vụ trả nguyên đơn anh N số tiền là 2.000.000đ (*Hai triệu đồng*).

[2.5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 6, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Cụ thể anh V và chị T phải nộp $(62.067.600đ + 2.000.000đ) \times 5\% = 3.203.380đ$ (*Ba triệu hai trăm lẻ ba ngàn ba trăm tám mươi đồng*).

Nguyên đơn không phải chịu án phí nên hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.632.000đ (*Một triệu sáu trăm ba mươi hai ngàn đồng*) theo biên lai thu số 0011343 ngày 20 tháng 5 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3, 6 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 430, 440, 584, 585, 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 6, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Phan Văn N.

1.1. Buộc bị đơn anh Thạch V và chị Nguyễn Thị T có nghĩa vụ trả nguyên đơn anh Phan Văn N số tiền mua bán tài sản còn nợ tổng cộng là 62.067.600đ (*Sáu mươi hai triệu không trăm sáu mươi bảy ngàn sáu trăm đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

1.2. Buộc bị đơn anh Thạch V và chị Nguyễn Thị T có nghĩa vụ trả nguyên đơn anh Phan Văn N số tiền bồi thường thiệt hại tài sản là 2.000.000đ (Hai triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Buộc bị đơn anh Thạch V và chị Nguyễn Thị T có nghĩa vụ nộp 3.203.380đ (Ba triệu hai trăm lẻ ba ngàn ba trăm tám mươi đồng).

2.2. Hoàn trả anh Phan Văn N số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.632.000đ (Một triệu sáu trăm ba mươi hai ngàn đồng) theo biên lai thu số 0011343 ngày 20 tháng 5 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Trà Ôn;
- Chi cục THADS huyện Trà Ôn;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Thị Thúy An